

CÔNG TY CỔ PHẦN 2S LOGISTICS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN 2S LOGISTICS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 2S LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: 2S LOGISTICS

2. Mã số doanh nghiệp: 0110087003

3. Ngày thành lập: 09/08/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

C12-32 Khu đô thị Geleximco Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981916143

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ đấu giá hàng hoá	4610(Chính)
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán vàng, sừng, đá, tem và tiền kim khí)	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
16.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Trồng lúa	0111
19.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
20.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113

21.	Trồng cây mía	0114
22.	Trồng cây lấy sợi	0116
23.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
24.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
25.	Trồng cây hàng năm khác	0119
26.	Trồng cây ăn quả	0121
27.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
28.	Trồng cây điều	0123
29.	Trồng cây hồ tiêu	0124
30.	Trồng cây cao su	0125
31.	Trồng cây cà phê	0126
32.	Trồng cây chè	0127
33.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
34.	Trồng cây lâu năm khác	0129
35.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
36.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
37.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
38.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
39.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
40.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
41.	Chăn nuôi gia cầm	0146
42.	Chăn nuôi khác	0149
43.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
44.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
45.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
46.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
47.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
48.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
49.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Hoạt động trung tâm thương mại: Đại diện cho thương nhân - Môi giới thương mại - Ủy thác mua bán hàng hóa; - Đại lý thương mại ; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
51.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
52.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
53.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
54.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

55.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
56.	Lập trình máy vi tính	6201
57.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
58.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
59.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
60.	Cổng thông tin (Loại trừ hoạt động của nhà báo độc lập)	6312
61.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: + Kinh doanh bất động sản	6810
62.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết : +Tư vấn bất động sản; +Môi giới bất động sản; +Sàn giao dịch bất động sản;	6820
63.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc	7110
64.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
65.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
66.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
67.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
68.	Bán buôn tổng hợp	4690
69.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
70.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
71.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
72.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
73.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
74.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
75.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
76.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
77.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
78.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
79.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
80.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

81.	Sản xuất chè	1076
82.	Sản xuất cà phê	1077
83.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
84.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
85.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
86.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
87.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
88.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
89.	In ấn	1811
90.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
91.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
92.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
93.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
94.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
95.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
96.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
97.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
98.	Sản xuất đồng hồ	2652
99.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
100.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
101.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
102.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
103.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
104.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
105.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
106.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
107.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
108.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
109.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
110.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
111.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
112.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Loại trừ: Đầu giá bán lẻ qua internet	4791
113.	Vận tải hành khách đường sắt	4911

114.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
115.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
116.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
117.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
118.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
119.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
120.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
121.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
122.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
123.	Bốc xếp hàng hóa	5224
124.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
125.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Trừ sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không;	5229
126.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
127.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
128.	Xuất bản phần mềm	5820
129.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
130.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ việc làm, bao gồm tư vấn, giới thiệu việc làm theo yêu cầu của người sử dụng lao động; thu thập, cung cấp thông tin về thị trường lao động	7810
131.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Hoạt động cho thuê lại lao động	7820
132.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ việc làm, bao gồm cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động	7830
133.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
134.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
135.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
136.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
137.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
138.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
139.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
140.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
141.	Sửa chữa thiết bị khác (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3319

142.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
143.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
144.	Xây dựng nhà để ở	4101
145.	Xây dựng nhà không để ở	4102
146.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
147.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
148.	Xây dựng công trình điện	4221
149.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
150.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
151.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
152.	Xây dựng công trình thủy	4291
153.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
154.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
155.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
156.	Phá dỡ	4311
157.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
158.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
159.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
160.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
161.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
162.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
163.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
164.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
165.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
166.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
167.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
168.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
169.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
170.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. **Vốn điều lệ:** 3.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 390.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHAN LẠC TRUNG	Số 12, ngách 23, ngõ 381 Nguyễn Khang, tổ 13, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	312.000	3.120.000.000	80,000	0010790081 29	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	312.000	3.120.000.000	80,000		
2	PHẠM THỊ THÙ HIỀN	Số 1 Chính Kinh, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	66.300	663.000.000	17,000	0011790491 39	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	66.300	663.000.000	17,000		

3	BÙI ANH PHONG	18B Nguyễn Công Trứ, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	11.700	117.000.000	3,000	0010781382 59
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	11.700	117.000.000	3,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN LẠC TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/03/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001079008129

Ngày cấp: 01/10/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 12 ngách 23, ngõ 381 Nguyễn Khang, tổ 13, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 12 ngách 23, ngõ 381 Nguyễn Khang, tổ 13, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội